

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ SỬ DỤNG TIẾNG MẸ ĐỂ (L1) TRONG GIẢNG DẠY NGỮ PHÁP TIẾNG ANH

NGUYỄN THỊ BÍCH HẰNG
Khoa Ngoại ngữ, Đại học Bách khoa Hà Nội

Nhận bài ngày 20/7/2026. Sửa chữa xong 22/8/2026. Duyệt đăng 25/8/2026.

Abstract

The use of the first language (L1) in the teaching of English grammar has attracted considerable attention in the field of language education. This article reviews and analyzes major perspectives on the use of L1 in English grammar instruction, highlighting its benefits, limitations, and principles for effective classroom use. Based on previous studies, the article argues that the appropriate use of L1 can facilitate learners' understanding of grammatical concepts, enhance the effectiveness of grammar teaching, and contribute to a more supportive learning environment.

Keywords: First language (L1), English grammar teaching, English as a foreign language (EFL), language teaching.

1. Đặt vấn đề

Trong giảng dạy Tiếng Anh như một ngoại ngữ, ngữ pháp luôn được xem là một trong những thành tố cốt lõi góp phần hình thành năng lực giao tiếp của người học. Việc nắm vững các quy tắc ngữ pháp không chỉ giúp người học sử dụng ngôn ngữ chính xác mà còn tạo nền tảng cho việc phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết. Tuy nhiên, quá trình giảng dạy ngữ pháp luôn đặt ra nhiều thách thức đối với giáo viên (GV), đặc biệt trong việc lựa chọn ngôn ngữ giảng dạy phù hợp để vừa giúp người học hiểu bài, vừa tạo điều kiện tối đa cho việc tiếp xúc với tiếng Anh. Một trong những vấn đề được quan tâm nhiều trong lĩnh vực giảng dạy ngoại ngữ là việc sử dụng tiếng mẹ đẻ (L1) trong lớp học Tiếng Anh. Trong một thời gian dài, dưới ảnh hưởng của phương pháp trực tiếp và phương pháp giao tiếp, nhiều nhà giáo dục cho rằng tiếng Anh nên được sử dụng tối đa trong lớp học và tiếng mẹ đẻ cần được hạn chế nhằm tăng cường cơ hội tiếp xúc với ngôn ngữ đích. Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu sau đó cho thấy việc loại bỏ hoàn toàn tiếng mẹ đẻ không phải lúc nào cũng mang lại hiệu quả, đặc biệt trong giảng dạy ngữ pháp. Khi được sử dụng một cách hợp lý, L1 có thể hỗ trợ GV giải thích các khái niệm ngữ pháp phức tạp, kiểm tra mức độ hiểu bài, giảm lo âu cho người học và nâng cao hiệu quả của quá trình dạy học. Mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu đề cập đến vai trò của tiếng mẹ đẻ trong giảng dạy ngoại ngữ, các quan điểm về vấn đề này vẫn chưa hoàn toàn thống nhất. Một số tác giả ủng hộ việc sử dụng L1 như một công cụ hỗ trợ học tập, trong khi một số khác cho rằng việc lạm dụng tiếng mẹ đẻ có thể làm giảm cơ hội sử dụng tiếng Anh và ảnh hưởng đến sự phát triển năng lực giao tiếp của người học. Sự khác biệt trong các quan điểm này cho thấy cần có cái nhìn tổng hợp và cân bằng về vai trò của L1 trong giảng dạy ngữ pháp tiếng Anh.

Trên cơ sở tổng hợp và phân tích các nghiên cứu tiêu biểu trong lĩnh vực giảng dạy ngoại ngữ, bài báo tập trung làm rõ các quan điểm về việc sử dụng tiếng mẹ đẻ trong giảng dạy ngữ pháp tiếng Anh, đồng thời phân tích những lợi ích, hạn chế và nguyên tắc sử dụng L1 một cách hiệu quả trong lớp học. Từ đó, bài viết đề xuất một số hàm ý sư phạm góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy ngữ pháp tiếng Anh trong bối cảnh tiếng Anh được dạy và học như một ngoại ngữ.

Email: hang.nguyenthibich@hust.edu.vn

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số quan điểm về sử dụng tiếng mẹ đẻ trong giảng dạy ngữ pháp tiếng Anh

2.1.1. Quan điểm hạn chế sử dụng tiếng mẹ đẻ

Trong lịch sử giảng dạy ngoại ngữ, việc sử dụng tiếng mẹ đẻ trong lớp học từng không được khuyến khích do ảnh hưởng của phương pháp trực tiếp (Direct Method) và sau này là phương pháp giao tiếp (Communicative Language Teaching). Các phương pháp này cho rằng người học cần được tiếp xúc tối đa với ngôn ngữ đích nhằm hình thành thói quen tư duy bằng tiếng Anh và phát triển năng lực giao tiếp. Theo quan điểm này, GV nên sử dụng tiếng Anh trong hầu hết các hoạt động giảng dạy, kể cả khi giải thích ngữ pháp, hướng dẫn hoạt động hay quản lý lớp học (Harmer, 2010, tr. 38-39). Những người ủng hộ quan điểm trên cho rằng việc sử dụng quá nhiều tiếng mẹ đẻ có thể làm giảm cơ hội tiếp xúc với tiếng Anh, khiến người học hình thành sự phụ thuộc vào L1 và hạn chế khả năng tư duy trực tiếp bằng ngôn ngữ đích. Atkinson (1993, tr. 14) lưu ý rằng nếu GV sử dụng tiếng mẹ đẻ không có chủ đích hoặc quá thường xuyên, người học sẽ có xu hướng chờ đợi lời giải thích bằng L1 thay vì chủ động suy luận và sử dụng tiếng Anh. Vì vậy, việc lạm dụng tiếng mẹ đẻ có thể làm giảm tính tương tác trong lớp học và ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển năng lực giao tiếp. Bên cạnh đó, quan điểm hạn chế sử dụng tiếng mẹ đẻ còn xuất phát từ giả thuyết cho rằng việc tiếp xúc thường xuyên với ngôn ngữ đích sẽ tạo điều kiện để người học hình thành thói quen tư duy trực tiếp bằng tiếng Anh, thay vì phải thông qua quá trình chuyển đổi từ tiếng mẹ đẻ. Theo Harmer (2010, tr. 38-39), môi trường lớp học cần tạo ra nhiều cơ hội để người học sử dụng tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp thực tế, từ đó phát triển đồng thời năng lực ngôn ngữ và khả năng phản xạ. Trong bối cảnh này, việc GV thường xuyên sử dụng L1 có thể làm gián đoạn quá trình tiếp xúc với ngôn ngữ đích, đặc biệt khi người học có xu hướng dựa vào bản dịch thay vì tự suy luận ý nghĩa thông qua ngữ cảnh. Tương tự, Thornbury (2005, tr. 1-7) cho rằng việc học ngữ pháp sẽ đạt hiệu quả cao hơn khi người học chủ động quan sát, phát hiện và vận dụng các quy tắc trong quá trình sử dụng tiếng Anh. Điều này đòi hỏi GV cần khuyến khích người học khai thác tối đa ngôn ngữ đích trong các hoạt động trên lớp, đồng thời chỉ sử dụng tiếng mẹ đẻ trong những trường hợp thật sự cần thiết nhằm tránh làm giảm cơ hội thực hành và trải nghiệm ngôn ngữ.

2.1.2. Quan điểm ủng hộ sử dụng tiếng mẹ đẻ

Trái với quan điểm trên, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng tiếng mẹ đẻ là một nguồn lực sư phạm có giá trị và không nên bị loại bỏ hoàn toàn khỏi lớp học ngoại ngữ. Theo Cook (2001, tr. 406-407), tiếng mẹ đẻ là một phần trong vốn ngôn ngữ của người học, do đó việc khai thác hợp lý L1 có thể hỗ trợ quá trình tiếp thu ngoại ngữ thay vì cản trở quá trình này. Cook (2001, tr. 414) cho rằng GV cần xem L1 như một công cụ hỗ trợ học tập, đặc biệt trong những tình huống người học gặp khó khăn khi tiếp cận các khái niệm ngữ pháp mới hoặc phức tạp. Quan điểm này cũng được Nation (2003, tr. 3-4) đồng tình khi cho rằng tiếng mẹ đẻ giúp người học hiểu nhanh nội dung bài học, tiết kiệm thời gian giải thích và giảm gánh nặng nhận thức trong quá trình học tập. Đối với việc giảng dạy ngữ pháp, L1 có thể được sử dụng để đối chiếu cấu trúc giữa hai ngôn ngữ, giải thích các hiện tượng ngữ pháp khó hoặc làm rõ những điểm khác biệt để gây nhầm lẫn. Theo Larsen-Freeman (2000, tr. 128-130), việc hiểu bản chất của một cấu trúc ngữ pháp có ý nghĩa quan trọng hơn việc chỉ ghi nhớ hình thức của cấu trúc đó. Trong nhiều trường hợp, tiếng mẹ đẻ giúp người học xây dựng mối liên hệ giữa kiến thức đã có và kiến thức mới, từ đó nâng cao hiệu quả tiếp thu. Ngoài ra, Scrivener (2005) cho rằng việc sử dụng tiếng mẹ đẻ ở mức độ phù hợp còn góp phần tạo môi trường học tập thân thiện, giúp người học tự tin hơn khi tham gia các hoạt động trên lớp, đặc biệt ở trình độ sơ cấp hoặc trung cấp thấp. Điều quan trọng không phải là loại bỏ hoàn toàn L1 mà là sử dụng đúng thời điểm và đúng mục đích nhằm hỗ trợ việc học Tiếng Anh. Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu ủng hộ việc sử dụng tiếng mẹ đẻ đều nhấn mạnh rằng L1 không nên thay thế vai trò của tiếng Anh trong lớp học mà chỉ đóng vai trò hỗ trợ khi cần thiết. Theo Cook (2001, tr. 404-405), mục tiêu của việc sử dụng L1 không phải là giảm mức độ tiếp xúc với ngôn ngữ đích mà là giúp người học tiếp cận kiến thức một cách hiệu quả hơn trong những tình huống phù

hợp. Quan điểm này cũng phù hợp với Harmer (2010, tr. 38-39), khi cho rằng GV cần linh hoạt lựa chọn ngôn ngữ giảng dạy dựa trên mục tiêu bài học, trình độ của người học và đặc điểm của từng nội dung ngữ pháp. Thay vì xem việc sử dụng hoặc không sử dụng tiếng mẹ đẻ là hai quan điểm đối lập, nhiều nghiên cứu hiện nay có xu hướng coi đây là vấn đề về mức độ và cách thức sử dụng. Theo đó, L1 được sử dụng có chọn lọc để hỗ trợ giải thích, đối chiếu hoặc hướng dẫn khi cần thiết, trong khi tiếng Anh vẫn giữ vai trò là ngôn ngữ giao tiếp chính trong lớp học. Cách tiếp cận này góp phần dung hòa hai quan điểm truyền thống, đồng thời đáp ứng yêu cầu phát triển năng lực giao tiếp mà vẫn bảo đảm người học hiểu và vận dụng hiệu quả các kiến thức ngữ pháp.

2.1.3. Xu hướng sử dụng tiếng mẹ đẻ một cách hợp lý

Những nghiên cứu gần đây cho thấy xu hướng chung không còn là tranh luận nên hay không nên sử dụng tiếng mẹ đẻ mà tập trung vào cách sử dụng L1 sao cho hiệu quả trong từng bối cảnh giảng dạy. Theo Thornbury (2005, tr. 1-7), việc giảng dạy ngữ pháp cần hướng tới mục tiêu giúp người học hiểu, vận dụng và sử dụng được các cấu trúc ngôn ngữ trong giao tiếp. Vì vậy, GV có thể sử dụng tiếng mẹ đẻ như một phương tiện hỗ trợ khi cần thiết nhưng không nên để L1 thay thế vai trò của tiếng Anh trong lớp học.

Quan điểm này cũng phù hợp với nhận định của Harmer (2010, tr. 38-39) cho rằng việc lựa chọn ngôn ngữ giảng dạy cần căn cứ vào mục tiêu bài học, trình độ của người học và nội dung cần truyền đạt. Đối với những nội dung ngữ pháp đơn giản, GV nên ưu tiên sử dụng tiếng Anh nhằm tăng cơ hội tiếp xúc với ngôn ngữ đích. Ngược lại, khi giải thích các cấu trúc phức tạp hoặc xử lý những tình huống dễ gây hiểu sai, việc sử dụng tiếng mẹ đẻ một cách ngắn gọn và có chủ đích sẽ giúp nâng cao hiệu quả giảng dạy. Như vậy, từ chỗ bị xem là yếu tố cần loại bỏ trong lớp học ngoại ngữ, tiếng mẹ đẻ ngày nay được nhìn nhận như một công cụ hỗ trợ có giá trị nếu được sử dụng một cách hợp lý. Quan điểm này cũng được Kavari (2014, tr. 211-212) ủng hộ khi cho biết việc sử dụng tiếng mẹ đẻ trong lớp học Tiếng Anh không nên được nhìn nhận theo hướng hoàn toàn chấp nhận hoặc hoàn toàn loại bỏ. Khi được sử dụng có mục đích và phù hợp với nhu cầu của người học, L1 có thể hỗ trợ quá trình giảng dạy và học tập, song GV cần kiểm soát mức độ sử dụng để không làm giảm cơ hội tiếp xúc và thực hành ngôn ngữ đích. Bên cạnh đó, xu hướng sử dụng tiếng mẹ đẻ một cách hợp lý cũng phản ánh sự chuyển biến trong quan điểm về vai trò của GV ở lớp học ngoại ngữ. Thay vì áp dụng một nguyên tắc cứng nhắc là chỉ sử dụng tiếng Anh hoặc thường xuyên sử dụng tiếng mẹ đẻ, GV được khuyến khích đưa ra những quyết định sư phạm dựa trên đặc điểm của người học và bối cảnh giảng dạy cụ thể. Theo Cook (2001, tr. 404), việc lựa chọn sử dụng L1 cần được xem là một chiến lược giảng dạy nhằm hỗ trợ người học đạt được mục tiêu học tập, chứ không phải là giải pháp thay thế cho việc sử dụng tiếng Anh. Nation (2003, tr. 6-7) cũng nhấn mạnh hiệu quả của tiếng mẹ đẻ phụ thuộc vào cách thức vận dụng của GV hơn là bản thân việc sử dụng L1. Điều này đòi hỏi GV cần cân nhắc thời điểm, mức độ và mục đích sử dụng tiếng mẹ đẻ, đồng thời luôn duy trì tiếng Anh là phương tiện giao tiếp chủ đạo trong lớp học. Cách tiếp cận linh hoạt này không chỉ giúp người học tiếp thu kiến thức ngữ pháp hiệu quả hơn mà còn tạo điều kiện phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh trong những tình huống giao tiếp thực tế.

2.2. Vai trò của tiếng mẹ đẻ trong giảng dạy ngữ pháp tiếng Anh

2.2.1. Hỗ trợ giải thích và tiếp thu kiến thức ngữ pháp

Một trong những vai trò quan trọng nhất của tiếng mẹ đẻ trong giảng dạy ngữ pháp là hỗ trợ GV giải thích các khái niệm và cấu trúc ngữ pháp mà người học khó có thể hiểu hoàn toàn thông qua tiếng Anh. Đối với người học ở trình độ sơ cấp hoặc trung cấp, việc tiếp cận các hiện tượng ngữ pháp mới bằng ngôn ngữ đích đôi khi làm tăng gánh nặng nhận thức và khiến quá trình tiếp thu trở nên kém hiệu quả. Trong những trường hợp này, việc sử dụng tiếng mẹ đẻ một cách ngắn gọn và có chủ đích giúp người học nhanh chóng nắm được bản chất của cấu trúc ngữ pháp, từ đó dành nhiều thời gian hơn cho việc luyện tập và vận dụng.

Cook (2001, tr. 405-407) cho rằng tiếng mẹ đẻ là nguồn lực ngôn ngữ sẵn có của người học và có

thể được khai thác để hỗ trợ việc học ngoại ngữ. Tương tự, Nation (2003, tr. 4) nhận định rằng việc sử dụng L1 trong những thời điểm cần thiết giúp tiết kiệm thời gian giải thích, giảm sự hiểu nhầm và nâng cao hiệu quả tiếp thu kiến thức. Theo Larsen-Freeman (2000, tr. 128-130), mục tiêu của giảng dạy ngữ pháp không chỉ giúp người học ghi nhớ quy tắc mà còn hiểu được ý nghĩa và cách sử dụng của cấu trúc trong các ngữ cảnh giao tiếp. Vì vậy, tiếng mẹ đẻ có thể đóng vai trò là cầu nối giúp người học liên hệ kiến thức mới với vốn hiểu biết ngôn ngữ đã có. Tang (2002, tr. 38-43) cũng chỉ ra tiếng mẹ đẻ có thể thực hiện nhiều chức năng hỗ trợ trong lớp học Tiếng Anh, đặc biệt trong việc giải thích từ vựng, ngữ pháp và những nội dung khó hiểu bằng ngôn ngữ đích. Việc sử dụng L1 một cách có chọn lọc có thể giúp GV truyền đạt nội dung nhanh chóng và rõ ràng hơn, đồng thời giúp người học hiểu được yêu cầu của hoạt động học tập. Tuy nhiên, Tang nhấn mạnh rằng tiếng Anh vẫn cần được sử dụng thường xuyên nhằm tạo cơ hội cho người học tiếp xúc và thực hành ngôn ngữ đích. Do đó, L1 nên được xem là một công cụ hỗ trợ chứ không phải là ngôn ngữ thay thế tiếng Anh trong lớp học. Bên cạnh việc hỗ trợ giải thích các khái niệm ngữ pháp, tiếng mẹ đẻ còn giúp GV tổ chức quá trình học tập theo hướng phát triển năng lực vận dụng của người học. Trong thực tế, nhiều hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh có sự khác biệt đáng kể so với tiếng Việt về hình thức và cách sử dụng, khiến người học dễ hiểu sai hoặc áp dụng máy móc các quy tắc. Khi đó, việc sử dụng tiếng mẹ đẻ để làm rõ ý nghĩa của cấu trúc, chỉ ra phạm vi sử dụng hoặc nhấn mạnh những điểm khác biệt giữa hai ngôn ngữ sẽ giúp người học hình thành nhận thức chính xác hơn trước khi thực hành bằng tiếng Anh. Theo Thornbury (2005, tr. 1-7), việc học ngữ pháp không nên dừng lại ở việc ghi nhớ quy tắc mà cần hướng tới khả năng sử dụng ngôn ngữ trong các ngữ cảnh giao tiếp cụ thể. Vì vậy, GV có thể sử dụng L1 ở giai đoạn giới thiệu hoặc làm rõ kiến thức, sau đó chuyển dần sang các hoạt động luyện tập và giao tiếp bằng tiếng Anh. Cách tiếp cận này vừa phát huy vai trò hỗ trợ của tiếng mẹ đẻ, vừa bảo đảm người học có đủ cơ hội thực hành và củng cố kiến thức ngữ pháp thông qua việc sử dụng ngôn ngữ đích.

2.2.2. Hỗ trợ đối chiếu ngôn ngữ và hạn chế lỗi

Bên cạnh việc hỗ trợ giải thích kiến thức, tiếng mẹ đẻ còn giúp người dạy và người học thực hiện sự đối chiếu giữa tiếng Việt và tiếng Anh để nhận diện những điểm tương đồng và khác biệt về ngữ pháp. Việc đối chiếu này đặc biệt cần thiết đối với những cấu trúc không tồn tại hoặc có cách biểu đạt khác trong tiếng Việt, chẳng hạn như hệ thống thì, mạo từ hoặc câu bị động.

Theo Thornbury (2005, tr. 4-5), việc hiểu rõ đặc điểm của từng cấu trúc ngữ pháp sẽ giúp người học sử dụng ngôn ngữ chính xác và linh hoạt hơn. Trong quá trình đó, tiếng mẹ đẻ có thể được sử dụng để làm rõ những điểm dễ gây nhầm lẫn, giúp người học nhận biết nguyên nhân của lỗi và tránh lặp lại những lỗi tương tự. Việc đối chiếu giữa ngôn ngữ mẹ đẻ và ngôn ngữ đích giúp người học hình thành nhận thức rõ ràng hơn về hệ thống ngôn ngữ, từ đó nâng cao khả năng vận dụng kiến thức ngữ pháp trong thực tế. Ngoài việc giúp phát hiện và hạn chế lỗi, hoạt động đối chiếu giữa tiếng mẹ đẻ và tiếng Anh còn góp phần phát triển nhận thức ngôn ngữ của người học. Thông qua việc so sánh hai hệ thống ngôn ngữ, người học không chỉ nhận biết sự khác biệt về cấu trúc mà còn hiểu rõ hơn ý nghĩa và chức năng của từng hiện tượng ngữ pháp trong các ngữ cảnh sử dụng khác nhau. Theo Larsen-Freeman (2000, tr. 128-130), việc học ngữ pháp cần hướng đến sự kết hợp giữa hình thức, ý nghĩa và cách sử dụng, thay vì chỉ ghi nhớ các quy tắc một cách tách biệt. Vì vậy, việc đối chiếu giữa tiếng mẹ đẻ và tiếng Anh có thể giúp người học xây dựng mối liên hệ giữa kiến thức đã có và kiến thức mới, từ đó hình thành khả năng vận dụng ngữ pháp một cách linh hoạt hơn. Hơn nữa, khi GV chủ động chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai ngôn ngữ, người học sẽ dễ dàng nhận diện những lỗi thường gặp do ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ, đồng thời phát triển khả năng tự điều chỉnh trong quá trình sử dụng tiếng Anh. Điều này không chỉ góp phần nâng cao độ chính xác về ngữ pháp mà còn giúp người học sử dụng ngôn ngữ tự tin và hiệu quả hơn trong giao tiếp. Tuy nhiên, việc đối chiếu chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi được sử dụng có chọn lọc. Nếu GV quá phụ thuộc vào việc chuyển đổi giữa hai ngôn ngữ hoặc yêu cầu người học dịch từng câu một cách máy móc, người học có thể hình thành thói quen suy nghĩ bằng tiếng mẹ đẻ trước khi diễn đạt bằng tiếng Anh, làm giảm tính tự nhiên trong quá trình sử dụng ngôn ngữ.

2.2.3. Hỗ trợ quản lý lớp học và tạo môi trường học tập tích cực

Ngoài vai trò hỗ trợ học tập, tiếng mẹ đẻ còn có ý nghĩa trong việc tổ chức và quản lý lớp học. Trong một số tình huống như hướng dẫn hoạt động, giải thích yêu cầu của bài tập hoặc xử lý những vấn đề phát sinh trong lớp, việc sử dụng L1 một cách ngắn gọn giúp GV truyền đạt thông tin chính xác, tránh hiểu nhầm và tiết kiệm thời gian. Atkinson (1993, tr. 13-18) cho rằng tiếng mẹ đẻ có thể được sử dụng như một công cụ hỗ trợ quản lý lớp học nếu GV xác định rõ mục đích và giới hạn sử dụng. Bên cạnh đó, việc sử dụng tiếng mẹ đẻ ở mức độ phù hợp còn góp phần tạo môi trường học tập thân thiện, đặc biệt đối với những người học có trình độ tiếng Anh còn hạn chế. Khi hiểu rõ yêu cầu của bài học và cảm thấy tự tin hơn trong quá trình học, người học sẽ tích cực tham gia vào các hoạt động sử dụng tiếng Anh trên lớp. Harmer (2010, tr. 38-39) nhấn mạnh rằng mục tiêu của việc sử dụng L1 không phải là thay thế tiếng Anh mà là tạo điều kiện để người học sử dụng tiếng Anh hiệu quả hơn. Ngoài ra, việc sử dụng tiếng mẹ đẻ một cách hợp lý còn góp phần xây dựng mối quan hệ tích cực giữa người dạy và người học, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình dạy-học. Đối với những người học mới bắt đầu hoặc còn thiếu tự tin khi sử dụng tiếng Anh, việc GV sử dụng L1 trong một số thời điểm thích hợp có thể giúp giảm áp lực tâm lý, tạo cảm giác gần gũi và khuyến khích người học mạnh dạn tham gia các hoạt động trên lớp. Theo Scrivener (2005, tr. 22-25), một môi trường học tập hiệu quả không chỉ phụ thuộc vào phương pháp giảng dạy mà còn chịu ảnh hưởng bởi sự tương tác tích cực giữa người dạy và người học. Trong bối cảnh đó, tiếng mẹ đẻ có thể được xem là một phương tiện hỗ trợ giao tiếp khi cần thiết, đặc biệt trong việc giải quyết những khó khăn hoặc hiểu lầm có thể phát sinh trong quá trình học tập. Tuy nhiên, GV cần sử dụng L1 với mức độ phù hợp và từng bước chuyển sang sử dụng tiếng Anh khi người học đã nắm rõ yêu cầu của hoạt động. Cách tiếp cận này vừa giúp duy trì bầu không khí học tập tích cực, vừa tạo thêm cơ hội để người học thực hành và phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh.

Nhìn chung, tiếng mẹ đẻ không nên được xem là rào cản đối với việc học ngoại ngữ mà là một phương tiện hỗ trợ quá trình giảng dạy khi được sử dụng đúng thời điểm và đúng mục đích. GV cần cân nhắc trình độ của người học, mục tiêu bài học và nội dung ngữ pháp để quyết định mức độ sử dụng L1 phù hợp, qua đó vừa phát huy vai trò hỗ trợ của tiếng mẹ đẻ, vừa duy trì môi trường giao tiếp bằng tiếng Anh trong lớp học.

2.3. Một số lưu ý khi sử dụng tiếng mẹ đẻ trong giảng dạy ngữ pháp

Mặc dù nhiều nghiên cứu đã khẳng định những lợi ích của tiếng mẹ đẻ trong giảng dạy ngoại ngữ, việc sử dụng L1 chỉ thực sự mang lại hiệu quả khi được vận dụng một cách hợp lý và có mục đích. Do đó, GV cần cân nhắc nhiều yếu tố như mục tiêu bài học, trình độ của người học và nội dung ngữ pháp trước khi quyết định sử dụng tiếng mẹ đẻ trong lớp học.

Trước hết, tiếng mẹ đẻ nên được xem là phương tiện hỗ trợ chứ không phải là ngôn ngữ giảng dạy chính. Theo Cook (2001, tr. 404-418), việc sử dụng L1 cần hướng tới mục tiêu tạo điều kiện để người học hiểu bài nhanh hơn và sử dụng tiếng Anh hiệu quả hơn, thay vì thay thế hoàn toàn tiếng Anh trong quá trình dạy học. Vì vậy, GV nên ưu tiên sử dụng tiếng Anh trong các hoạt động giới thiệu bài, luyện tập và giao tiếp, đồng thời chỉ sử dụng tiếng mẹ đẻ khi cần giải thích các khái niệm ngữ pháp phức tạp, làm rõ yêu cầu của nhiệm vụ hoặc xử lý những tình huống có thể gây hiểu nhầm. Bên cạnh đó, việc sử dụng tiếng mẹ đẻ cần phù hợp với trình độ của người học. Đối với người học ở trình độ sơ cấp hoặc trung cấp thấp, L1 có thể được sử dụng nhiều hơn giúp người học hiểu rõ kiến thức mới và xây dựng sự tự tin trong quá trình học tập. Ngược lại, khi trình độ tiếng Anh được nâng cao, GV cần từng bước giảm sự hỗ trợ của tiếng mẹ đẻ và tạo nhiều cơ hội hơn để người học tiếp xúc, thực hành và sử dụng tiếng Anh trong lớp học. Quan điểm này cũng phù hợp với nhận định của Harmer (2010) và Scrivener (2005), những người cho rằng việc lựa chọn ngôn ngữ giảng dạy cần căn cứ vào mục tiêu của từng bài học và nhu cầu thực tế của người học. Ngoài ra, GV cũng cần tránh lạm dụng tiếng mẹ đẻ trong quá trình giảng dạy ngữ pháp. Việc chuyển đổi liên tục giữa hai ngôn ngữ hoặc giải thích mọi nội dung bằng L1 có thể làm giảm thời lượng sử dụng tiếng Anh và hình thành sự phụ thuộc vào tiếng mẹ đẻ. Atkinson

(1993, tr. 13-18) cho rằng GV cần xác định rõ thời điểm và mục đích sử dụng L1 để bảo đảm tiếng Anh vẫn giữ vai trò là ngôn ngữ giao tiếp chủ đạo trong lớp học. Đồng quan điểm này, Nation (2003, tr. 2-3) nhấn mạnh việc sử dụng tiếng mẹ đẻ chỉ nên giới hạn ở những tình huống thật sự cần thiết nhằm hỗ trợ quá trình học tập, đồng thời khuyến khích người học từng bước hình thành khả năng tư duy và diễn đạt bằng tiếng Anh.

Như vậy, hiệu quả sử dụng tiếng mẹ đẻ không phụ thuộc vào GV sử dụng nhiều hay ít L1 mà phụ thuộc vào cách thức và mục đích sử dụng. Khi được vận dụng linh hoạt, có chọn lọc và phù hợp với bối cảnh dạy học, tiếng mẹ đẻ sẽ trở thành công cụ hỗ trợ hiệu quả trong giảng dạy ngữ pháp, đồng thời vẫn bảo đảm môi trường sử dụng tiếng Anh cần thiết để phát triển năng lực giao tiếp của người học.

3. Kết luận

Có thể nói, sử dụng tiếng mẹ đẻ (L1) trong giảng dạy ngữ pháp tiếng Anh là một vấn đề đã và đang nhận được nhiều sự quan tâm trong lĩnh vực giảng dạy ngoại ngữ. Qua tổng hợp và phân tích các quan điểm tiêu biểu, bài báo cho thấy cách nhìn nhận về vai trò của L1 đã có nhiều thay đổi. Nếu trước đây tiếng mẹ đẻ thường được xem là yếu tố cản hạn chế trong lớp học ngoại ngữ thì hiện nay nhiều nghiên cứu đã khẳng định rằng L1 có thể trở thành một công cụ hỗ trợ hiệu quả khi được sử dụng một cách hợp lý và có mục đích.

Kết quả tổng hợp cho thấy tiếng mẹ đẻ có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ giải thích các kiến thức ngữ pháp, giúp người học hiểu rõ các cấu trúc ngôn ngữ, giảm bớt khó khăn trong quá trình tiếp thu, đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả quản lý lớp học và tạo môi trường học tập tích cực. Tuy nhiên, việc lạm dụng L1 có thể làm giảm cơ hội tiếp xúc với tiếng Anh và ảnh hưởng đến khả năng hình thành năng lực giao tiếp của người học. Vì vậy, hiệu quả sử dụng tiếng mẹ đẻ không phụ thuộc vào tần suất sử dụng mà phụ thuộc vào mục đích, thời điểm và cách thức vận dụng trong từng bối cảnh giảng dạy. Từ những phân tích trên, bài báo cho rằng GV cần sử dụng tiếng mẹ đẻ một cách linh hoạt, có chọn lọc và phù hợp với mục tiêu bài học cũng như trình độ của người học. Tiếng Anh vẫn cần được duy trì là ngôn ngữ giao tiếp chủ đạo trong lớp học, trong khi tiếng mẹ đẻ nên được khai thác như một phương tiện hỗ trợ nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy ngữ pháp và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình học tập của người học.

Tài liệu tham khảo

- Atkinson, D. (1993). *Teaching Monolingual Classes*. Harlow, England: Longman Group United Kingdom.
- Cook, V. (2001). *Using the First Language in the Classroom*. The Canadian Modern Language Review, 57(3), 402-423.
- Harmer, J. (2010). *How to Teach English* (new edition). Harlow, England: Pearson Education Limited.
- Kavari, K. E. (2014). To use or not to use mother tongue in ELT classrooms, that is the question. *Spectrum: A Journal of Multidisciplinary Research*, 3(6), 206-212.
- Larsen-Freeman, D. (2000). *Techniques and Principles in Language Teaching; Teaching Techniques in English as a Second* (2nd ed.). Great Clarendon Street, Oxford OX2 6DP, UK. Oxford University Press.
- Nation, P. (2003). *The Role of First Language in Foreign Language Learning*. http://www.asian-efljournal.com/june_2003_pn.pdf.
- Scrivener, J. (2005). *Learning Teaching; A guide for English language teachers* (2nd ed.). Between Towns Road, Oxford OX4 3PP, UK. Macmillan Education.
- Tang, J. (2002). Using L1 in English Classroom. *English teaching forum*, Vol. 40. No. 1, 36-43.
- Thornbury, S. (2005) *Uncovering Grammar* (new edition). Oxford OX4 3PP. Macmillan Education University Press.